

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày 13-01-2020
V/v: Thay đổi người trực tiếp nuôi
con sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung;
Ông Lê Tuấn Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Ngô Thị Vỹ -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc: "*Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 296/2019/HNGĐ-ST, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐ-PT, ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **Đinh Tất B**, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1 (thôn V cũ), xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. *Người làm chứng:*

- Chị Triệu Hoa K

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà Lương Thị L

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Triệu Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày: Chị và anh Đinh Tất B đã ly hôn năm 2018, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, đã công nhận sự thỏa thuận về con chung giao cho anh Đinh Tất B

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đinh Thu T và giao con chung cháu Đinh Nhật M cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Sau khi ly hôn anh B đến nhà chị T để đón cháu T về nuôi nhưng cháu T không theo và gào khóc, sau đó anh B đã nhờ cơ quan Thi hành án huyện Y đến UBND xã T để yêu cầu chị T giao con cho anh B. Đến ngày 21/10/2018 anh B đã cho em trai là Đinh Văn S cùng người nhà vào nói dối cháu T là đưa đi chơi nên cháu đi theo. Chị T và anh B đã làm bản cam kết là khi đón con về anh B phải có trách nhiệm chăm sóc con và hàng tuần chị T được đón con về chơi, gia đình anh B không được cản trở. Nhưng từ khi anh B đón con về nuôi đến nay anh B không chăm sóc con, để con bán, lượm thuộm, đầu có chấy rận, chị T đã nhiều lần xin phép anh B cho chị đón con về tắm gội nhưng anh B không cho chị T đón. Mỗi lần chị T ra thăm con là anh B lại gọi điện chửi bới, xúc phạm, gia đình chị T và chị T mua giày dép quần áo cho con nhưng mẹ anh B không cho dùng. Nhiều lần gia đình anh B biết chị T ra thăm con nên đã đưa cháu T đi khỏi nhà, chị T phải ra thăm con vào buổi trưa mới thăm được con. Có lần chị T đến thăm con thì anh B đánh chửi chị T, chị T phải báo Trưởng thôn. Vì vậy chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Thu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Bị đơn anh Đinh Tất B trình bày: Tòa án nhân dân huyện Y giao cháu Đinh Thu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2018 như chị T trình bày là đúng. Chị T đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đối với con chung cháu Đinh Thu T, anh B không nhất trí vì thực tế sau khi ly hôn chị T đã gây khó khăn cho anh B trong việc anh B đón con về nuôi nên anh B đã phải đề nghị Cơ quan Thi hành án đến cưỡng chế thi hành án để đón con về. Quá trình Cơ quan Thi hành án làm việc chị T và gia đình đã chống lại cơ quan Thi hành án và những người làm nhiệm vụ 03 lần, đến lần thứ 4 phải phối hợp với Ban giám hiệu trường Mầm non Đ mới đón được con về. Việc chị T trình bày anh B ngăn cản chị trong việc thăm nom con chung là không có căn cứ, việc cãi vã và xô sát giữa gia đình anh B và chị T là do có mâu thuẫn. Nguyên nhân từ khi có quyết định ly hôn chị T không tự nguyện giao con cho anh B dẫn đến việc anh B phải yêu cầu Cơ quan thi hành án làm việc; chị T lại thường hay đến thăm con vào buổi trưa, bất tiện cho gia đình và là giờ con ngủ trưa, mỗi lần chị T ra thăm lại xui con không nghe lời bà nội và bố; chị T không cắt khẩu cho cháu T để anh B nhập khẩu cho cháu T về cùng hộ khẩu anh B tại xã L, gây khó khăn cho việc xin học cho cháu vào lớp 1 điều đó dẫn đến bức xúc cho gia đình anh B. Về điều kiện ăn ở sinh hoạt và điều kiện kinh tế của anh B đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, anh có nhà ở ổn định, có thu nhập từ làm ruộng, chăn nuôi bò, lợn, gà, ngan, ngỗng và thu nhập từ làm thợ cơ khí. Anh

B là lao động tự do nên chủ động được thời gian đưa đón con đi học và chăm sóc con hằng ngày. Chị T chưa có nhà ở ổn định, thu nhập thấp nên không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay anh B vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt, tạo điều kiện để chị T thăm con theo quy định.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không Gv và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 296/2019/HNGĐ-ST, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, Quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu Đinh Thu T, sinh ngày 23/12/2013.

Anh Đinh Tất B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Thu T. Chị Triệu Thị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở theo Quyết định 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/11/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Triệu Thị T, đơn đề ngày 02/11/2019, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn, giao cho chị nuôi con chung cháu Đinh Thu T với những lý do, anh Đinh Tất B vi phạm bản án của Tòa án nhân dân huyện Y, cản trở việc thăm nom con chung, gây gỗ, đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị. Không chăm sóc con, nhốt con ở trong nhà một mình, để con ở bẩn, nhiều chấy rận. Tòa án nhân dân thành phố T lấy lời khai của bé 6 tuổi là không công khai minh bạch; xác minh thu nhập của anh B là không đúng.

Môi trường sống, phẩm chất đạo đức của gia đình anh B không thể nuôi dạy một đứa trẻ tốt; Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/11/2019 anh B hứa cho cháu T đi lại và gia đình chị được thăm hỏi cháu, nhưng ngày 02/11/2019 bố chị là ông Triệu Văn H ra thăm cháu gia đình anh B không cho vào nhà và cũng không cho cháu ra gặp ông.

Chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thu T với mức lương giáo viên là 6.500.000 đồng và thu nhập thêm từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, tổng thu nhập 13.500.000 đồng, bố mẹ chị có đủ điều kiện và thời gian hỗ trợ chị nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn người kháng cáo chị Triệu Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi cháu Đinh Thu T, chị có đủ điều kiện nuôi cả hai con chung.

Bị đơn anh Đinh Tất B trình bày: Anh không nhất trí giao cho chị T nuôi cháu Đinh Thu T vì một mình chị T không thể đảm bảo điều kiện nuôi cả hai con chung. Chị T được giao nuôi con chung cháu Đinh Nhật M, do chị đi làm xa nhà nên chị đã phải nhờ ông bà ngoại đưa đón con đi học, nếu giao cho chị T nuôi cả cháu T sẽ không đảm bảo cho việc đưa đón chăm sóc hai con. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Triệu Thị T là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của chị Triệu Thị T, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 296/2018/HNGĐ-ST, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T. Chị Triệu Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung kháng cáo của bị đơn chị Triệu Thị T: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn, giao cho chị được nuôi dưỡng con chung cháu Đinh Thu T sinh ngày 23/12/2013 hiện anh Đinh Tất B đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu.

Xét thấy: Năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa anh Đinh Tất B và chị Triệu Thị T. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Tất B và chị Triệu Thị T; công nhận sự thỏa thuận về con chung, giao cho anh Đinh Tất B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đinh Thu T sinh ngày 23/12/2013 và giao cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đinh Nhật M sinh ngày 05/6/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng

nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Ngày 21/10/2018 anh B đã đón cháu Đình Thu T về nuôi dưỡng.

Đến ngày 10/6/2019 chị T gửi đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi nuôi con sau ly hôn (chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đình Thu T), lý do gia đình anh B ngăn cản chị T đến thăm con, khi chị ra chơi gia đình không muốn cho chị gặp cháu, chị gọi điện không cho cháu T nghe máy, không cho chị đón con đi chơi. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm chị T xuất trình 01 đơn đề nghị (BL 15) ghi ngày 17/5/2019 gửi thôn V xã L đề nghị giúp đỡ để chị được thăm con chung cháu Đình Thu T và đón cháu đi chơi với mẹ, đơn có xác nhận của thôn với nội dung thôn đã tiến hành trao đổi hòa giải với gia đình ông Đình Tất D (là bố đẻ của anh B); Biên bản do thôn 1, xã L lập buổi tối ngày 08/6/2019 (BL 14) về việc chị T đến gia đình anh B thăm con bị anh B đánh; Giấy ra viện ngày 11/6/2019 của Bệnh viện ATK thể hiện chị T vào viện ngày 09/6/2019 ra viện ngày 11/6/2019 chẩn đoán “Chấn thương vùng đầu + vai trái”; Bảng thanh toán tiền lương của chị T mức lương 6.584.000đ; Hợp đồng chị T góp vốn kinh doanh ngày 05/01/2019 mỗi tháng được trả lợi nhuận từ 7-8 triệu đồng.

Xét về điều kiện nuôi con của chị T: Hiện chị đang sinh sống tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có thu nhập từ lương giáo viên và lợi nhuận từ việc góp vốn kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên chị T công tác tại Trường Mầm non Đ cách nơi chị ở 10 km và chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Đình Nhật M, sinh ngày 05/6/201, hàng ngày chị đi làm xa nhà nên việc đưa đón cháu Đình Nhật M đi học tại trường Mầm non chị phải nhờ ông bà ngoại giúp đỡ.

Về điều kiện nuôi con của anh Đình Tất B: Anh B thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Đình Thu T, về điều kiện vật chất anh B có nơi ở, thu nhập ổn định, cháu Đình Thu T được đảm bảo đầy đủ về ăn ở, sinh hoạt, học tập.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2019 thôn 1, xã L xác nhận: Anh B ở nhà làm ruộng, chăn nuôi lợn gà, thu nhập ổn định. Anh B thường xuyên chăm sóc, đưa đón con đi học.

Giấy xác nhận của ông Bùi Xuân G ngày 15/9/2019: Anh Đình Tất B làm ở xưởng cơ khí của ông G thu nhập 3.000.000đồng/tháng.

Biên bản xác minh ngày 08/10/2019 Trường Tiểu học A (nơi cháu Đình Thu T đang học) xác nhận: Cháu Đình Thu T hòa đồng vui vẻ cùng các bạn, tâm lý ổn định tập trung học tập, hàng ngày cháu được bố là anh Đình Tất B đưa đón đi học, đảm bảo đúng giờ, đi học đầy đủ, thực hiện đúng nội quy của nhà trường. Anh B là người bố có trách nhiệm, nhanh nhẹn nhiệt tình, rất quan tâm đến việc học tập của con.

Anh B thừa nhận có lần chị T đến thăm con anh có yêu cầu chị T chuyển khẩu cho cháu T để thuận tiện cho việc xin học cho cháu nhưng chị T không thực hiện, do bức tức nên anh có đánh chị T. Đến nay chị T vẫn chưa chuyển khẩu cho

cháu T dẫn đến việc xin học cho cháu gặp nhiều khó khăn, gia đình anh phải làm Sổ tạm trú cho cháu. Anh B xuất trình tài liệu về việc chị T có những lời nói xúc phạm, đưa người đến gia đình anh đe dọa, uy hiếp buộc gia đình anh giao con cho chị T làm cho gia đình anh xáo trộn, bất an.

Như vậy sau khi được giao nuôi con chung cháu Đinh Thu T, anh B đã thực hiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đảm bảo cho cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, anh B có đủ điều kiện nuôi con. Việc chị T đến thăm con chung không thuận lợi là do giữa chị T và anh B có sự bất đồng, mâu thuẫn vì chị T không thực hiện chuyển khẩu cho cháu T về thành phố T dẫn đến việc xin học cho cháu T gặp khó khăn. Khi chị T đến thăm con chị đã có lời qua tiếng lại với mẹ đẻ của anh B nên xảy ra mâu thuẫn, chị T cũng có những lời dọa dẫm trên mạng xã hội facebook và dẫn người đến nhà anh B nên đã đẩy mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng lên cao. Việc gia đình anh B không tạo điều kiện cho chị T thăm con là có lý do, hai bên cũng cần xem lại cách cư xử để không làm ảnh hưởng đến việc thăm nom con chung và không làm ảnh hưởng đến việc học tập, sự phát triển của cháu T. Mặt khác cuộc sống của cháu T hiện đã ổn định, quen trường quen lớp, hai lần Tòa án hỏi cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm giao cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đinh Thu T sinh ngày 23/12/2013.

[1] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Triệu Thị T về việc yêu cầu thay đổi nuôi con chung, xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đinh Thu T sinh ngày 23/12/2013.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ nuôi con chung như sau: Giao cho anh Đinh Tất B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Thu T sinh ngày 23/12/2013. Chị Triệu Thị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được

trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002995, ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Triệu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2020).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS TPTuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lưu Hồ Loan